

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3222/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng CCN nghề cá, xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc của Công ty TNHH MTV BNB Thanh Hóa;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 13/BNBTH ngày 25/8/2023; Công văn số 23/BNB-ĐT ngày 26/01/2024 về giải trình hoàn thiện chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Đầu tư và khai thác hạ tầng Cụm công nghiệp Hòa Lộc tại xã Hoà Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH một thành viên BNB Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 202/TTr-STNMT ngày 05 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên BNB Thanh Hóa, địa chỉ tại: thôn Hòa Phú, xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng Cụm công nghiệp Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng Cụm công nghiệp Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV có mã số 2802449636 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch Đầu tư Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/03/2017; thay đổi lần thứ 6 ngày 13/04/2023.

1.4. Mã số thuế: 2802449636

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng Cụm công nghiệp, gồm các ngành nghề hoạt động: Nhóm ngành công nghiệp chế biến thủy sản, chế biến hải sản, xưởng đóng tàu và nâng cấp tàu thuyền, chế biến gỗ, sản xuất vật tư, trang thiết bị phục vụ nghề biển, sản xuất giày thể thao và giày da xuất khẩu (không thuộc da) và các ngành nghề khác có liên quan.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô cơ sở: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích theo quy hoạch đất của Cụm công nghiệp: khoảng 218.562,98 m²; trong đó, diện tích được UBND tỉnh Thanh Hoá cho thuê giai đoạn 1 là: 144.030 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH một thành viên BNB Thanh Hóa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH một thành viên BNB Thanh Hóa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước

thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 10 tháng 3 năm 2024 đến ngày 10 tháng 3 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Hậu Lộc và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH một thành viên BNB Thanh Hóa (để t/hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Hậu Lộc (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt và công nghiệp sau khi xử lý sơ bộ tại các nhà máy, xí nghiệp tại khu đất CN-A; CN-D; CN-C; CN-F có lưu lượng 187,9 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt và công nghiệp sau khi xử lý sơ bộ tại các nhà máy, xí nghiệp tại khu đất CN-E, đất TM-DV2 có lưu lượng 116,4 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt và công nghiệp sau khi xử lý sơ bộ tại các nhà máy, xí nghiệp tại khu đất CN-G; CN-H; CN-K; CN-I, TM-DV1 và nước thải của khu chợ cá hiện trạng có lưu lượng 299,2 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương tiêu thoát nước phía Đông CCN → Kênh De (đoạn chảy qua Cụm công nghiệp xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa).

- 01 (một) dòng nước thải sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 960m³/ngày.đêm của Cụm công nghiệp → Mương tiêu thoát nước phía Đông CCN → Kênh De

2.2. Vị trí xả thải:

- Từ bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải chảy ra hệ thống mương tiêu thoát nước phía Đông CCN.

- Tọa độ vị trí xả thải: X = 2200745; Y = 598051 (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰).

- Điểm xả nước thải sau xử lý ra môi trường có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 605 m³/ngày.đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTN MT (cột B, K _q = 0,9, K _f = 1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	Miễn quan trắc định kỳ khi hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải	Phải hoàn thành việc lắp đặt và truyền dữ liệu, bảo đảm chậm nhất trước ngày 31/12/2024 theo quy định tại Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ -CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ
2	pH	-	5,5 đến 9		
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	90		
4	COD	mg/l	135		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	9	03 tháng/lần	
6	Màu	Pt/Co	150		
7	BOD ₅	mg/l	45		
8	Sắt	mg/l	4,5		
9	Chì	mg/l	0,45		
10	Đồng	mg/l	1,8		
11	Crom (VI)	mg/l	0,09		
12	Crom (III)	mg/l	0,9		
13	Kẽm	mg/l	2,97		
14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9		
15	Tổng Nito	mg/l	36		
16	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l/	5,4		
17	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0,45		
18	Clo dư	mg/l	1,8		
19	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: thu gom bằng hệ thống cống D300 đặt ngầm trên các tuyến đường D3, N2, D4 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: thu gom bằng hệ thống cống D300 đặt ngầm trên các tuyến đường D3, N2, N3 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: thu gom bằng hệ thống cống D300 đặt ngầm trên các tuyến đường N4, N3, D3 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bể thu gom → Bể lắng cát → Bể điều hoà → Bể keo tụ (2 bể) → Bể tạo bông (2 bể) → Bể lắng 1 (2 bể) → Bể Trung hòa (2 bể) → Bể UASB (2 bể) → Bể Anoxic (2 bể) → Bể Aeroten (2 bể) → Bể lắng 2 (2 bể) → Bể khử trùng → Mương tiêu phía Đông CCN → Kênh De.

- Công suất thiết kế: 960m³/ngày đêm, gồm 02 Modul.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H₂SO₄, phèn, Polymer (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Thuộc đối tượng phải lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ (thời hạn hoàn thành chậm nhất trước ngày 31/12/2024).

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Lắp đặt sensor lấy mẫu nước thải sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung, trước khi chảy ra mương tiêu phía Đông Cụm công nghiệp.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi, giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng trạm xử lý nước thải công suất 960m³/ngày.đêm gồm 2 modul công suất 480m³/ngày.đêm/modul. Trường hợp 01 modul xảy ra sự cố, không hoạt

động được. Chủ đầu tư thực hiện bơm nước thải về modul còn lại để xử lý nước thải; đồng thời nhanh chóng tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố để hệ thống xử lý nước thải vận hành ổn định.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn đầu vào Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Hoà Lộc:

Chủ đầu tư hạ tầng yêu cầu các nhà đầu tư thứ cấp: Nước thải phải được xử lý sơ bộ, đảm bảo các thông số phải đạt tiêu chuẩn đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 960 m³/ngày.đêm, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn đầu vào
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	6-9
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	604
4	COD	mg/l	640
5	BOD ₅	mg/l	340
6	Chì	mg/l	0,45
7	Đồng	mg/l	1,8
8	Kẽm	mg/l	2,7
9	Crom (VI)	mg/l	0,09
10	Crom (III)	mg/l	0,9

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày nhà đầu tư thứ cấp đi vào hoạt động.

2.3. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.4. Vị trí lấy mẫu: tại bể thu gom trước khi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung và sau bể khử trùng trước khi thải ra môi trường.

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng; bảo dưỡng máy và thay thế thiết bị cho hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và các công trình xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và quy định Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hoàn thiện việc lắp đặt hệ thống quan trắc tự động trước khi đi vào vận hành thử nghiệm, hoàn thành ngày 31/12/2024; được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.6. Yêu cầu nhà đầu tư thứ cấp phải đầu tư thiết bị xử lý nước thải sơ bộ đạt yêu cầu đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường, thể hiện trong văn bản thỏa thuận đầu nối xử lý nước thải giữa nhà đầu tư thứ cấp và chủ đầu tư hạ tầng. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Phát sinh từ hoạt động của máy nén khí, máy bơm của Trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí: Tại khu vực trạm xử lý nước thải tập trung của dự án. Tọa độ: X = 2200736; Y = 598025 (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	350
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại (vỏ thùng sơn)	18 01 02	50
3	Bao bì cứng bằng nhựa bị nhiễm các CTNH (can nhựa đựng hóa chất)	18 01 03	45
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	30
5	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	18 02 01	20
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	15
7	Bao bì nhựa thải (có chứa hóa chất)	18 01 06	10
8	Mực in (có chứa thành phần nguy hại)	08 02 01	15
9	Hộp chứa mực in (có chứa thành phần nguy hại)	08 02 04	17
	Tổng khối lượng		552

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung	94.150
2	Chất thải công nghiệp khác	985.314
	Tổng khối lượng	1.079.464

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	656,876

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng lưu chứa có nắp đậy, ghi nhãn mác từng loại theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Bố trí phần lưu giữ CTNH có diện tích 3,0 m² tại khu vực điều hành Trạm xử lý nước thải để lưu trữ CTNH phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa thực hiện đổ bê tông và láng xi măng chống thấm, tường xây gạch, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, mái lợp tôn, đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kì chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các loại thiết bị, linh kiện sửa chữa, thay thế từ hệ thống xử lý nước thải; bùn thải không chứa thành phần nguy hại được đóng vào thùng, bao chứa và tập kết vào khu lưu chứa.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực có diện tích 10,0 m² tại khu vực điều hành Trạm xử lý nước thải của Cụm công nghiệp, tại khu trung tâm điều hành, được ngăn cách với khu vực khác bằng vách ngăn.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, có mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng đựng chất thải sinh hoạt có nắp đậy và bánh xe tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu trữ và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Sau đó, hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển xử lý hàng ngày (01 lần/ngày).

2.4. Chuyển giao chất thải:

Chỉ được chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

1. Công ty TNHH một thành viên BNB Thanh Hóa đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường cho diện tích 144.030 m² của Cụm công nghiệp Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt tại Quyết định số 3222/QĐ-UBND ngày 27/8/2018.

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 3222/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án:

- Thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải, giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình xây dựng công trình hạ tầng cụm công nghiệp thuộc giai đoạn 2 đã được UBND tỉnh cho thuê đất tại Quyết định số 4963/QĐ-UBND ngày 25/12/2023;

3. Sau khi hoàn thành các hạng mục sản xuất và công trình bảo vệ môi trường của phần diện tích còn lại, Công ty TNHH một thành viên BNB Thanh Hóa có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, cấp Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông

thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, trách nhiệm về đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường 2020; Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$). Nước thải phải được quản lý, tái sử dụng để giảm khối lượng khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

5. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Lắp đặt công tơ điện độc lập cho hệ thống xử lý nước thải tập trung.

8. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

9. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

11. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.